

Bản án số: 25/2022/HS-ST

Ngày: 31-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Bá Lân.

- Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Phùng Thanh Liễu, ông Nguyễn Huy Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30, 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 29/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đặng Tuấn L, sinh ngày: 18/9/1960 tại tỉnh H;

Nơi cư trú: 647 V, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân Tr (chết) và bà Nguyễn Thị Hồng Ph (chết); vợ: Phan Thị Thanh B, bị cáo có 02 con, lớn nhất 36 tuổi, nhỏ nhất 31 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Thị H, sinh ngày: 15/10/1967 tại tỉnh Q;

Nơi cư trú: thôn A, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nguyên Thủ quỹ Bệnh viện đa khoa huyện S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm C (chết) và bà Trần Thị H (chết); chồng: Trần Đức Ch (chết), bị cáo có 02

con, lớn nhất 32 tuổi, nhỏ nhất 27 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Thị Minh T, sinh ngày: 07/5/1983 tại tỉnh Đ;

Nơi cư trú: Xóm 1, thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng Bệnh viện đa khoa huyện S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Minh T và bà La Thị Ng; chồng: Phạm Văn Th, bị cáo có 02 con, lớn nhất 08 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Bá N, sinh ngày: 02/02/1971 tại tỉnh Q;

Nơi cư trú: Thôn A I, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe Bệnh viện đa khoa huyện S; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá S (chết) và bà Phạm Thị H (chết); vợ: Huỳnh Thị H, bị cáo có 02 con, lớn nhất 21 tuổi, nhỏ nhất 14 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa:

1. *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Đặng Tuấn L*: Ông Trần Đức Nh - Luật sư Văn phòng Luật sư CA thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: 44 L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Đỗ Thị Minh T*: Ông Hà Vĩnh Ph - Luật sư Văn phòng Luật sư VP thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: 399 L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Phạm Thị H*: Ông Nguyễn Công T - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn CT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Tổ dân phố L 1, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Bị hại: Trung tâm Y tế huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: 822 Đường V, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh T – Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh T2 – Phó Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số: 405/GUQ-TTYT ngày 30/5/2022); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Công H, sinh năm: 1969; có mặt.
Địa chỉ: Thôn C 1, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Dương Thị D, sinh năm: 1989; vắng mặt.
Địa chỉ: Số 480, đường V, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
3. Đoàn Văn D2, sinh năm: 1973; vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
4. Bùi Thị Mai Th, sinh năm: 1984; vắng mặt.
Địa chỉ: Số 672 – 674 V, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
5. Roãn Văn H2, sinh năm: 1981; có mặt.
Địa chỉ: Hẻm 150 P, Tổ 13, phường L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
6. Trương Tấn D2, sinh năm: 1976; vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ 20, đường T, phường C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
7. Nguyễn Phi H3, sinh năm 1973; vắng mặt.
Địa chỉ: TDP T, phường P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
8. Nguyễn Thị L, sinh năm: 1977; có mặt.
Địa chỉ: TDP LH 2B, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
9. Phạm Văn L2, sinh năm 1971; có mặt.
Địa chỉ: Thôn AH 3, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
10. Nguyễn Thị Nguyệt Tr, sinh năm: 1979; có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: 20 Mạc Đĩnh Chi, phường L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
11. Nguyễn O, sinh năm: 1960; vắng mặt.
Địa chỉ: Số 368 H, tổ 13, phường L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
12. Lê Bá Đ, sinh năm: 1967; vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn AH 1, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
13. Võ H4, sinh năm: 1972; có mặt.

Địa chỉ: Số 495 V, TDP T, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

14. Huỳnh T2, sinh năm 1966; có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

15. Võ Đức Tr2, sinh năm 1975; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 4 (tổ 10 cũ), phường L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Đức Tr2: Ông Nguyễn Công T – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn CT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi;

16. Phạm Thị Thu Tr3, sinh năm: 1983; có mặt.

Địa chỉ: Đội 3, thôn P, xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

17. Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1981; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 18, phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

18. Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm: 1973; có mặt.

Địa chỉ: TDP TT A, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

19. Đỗ Văn D3, sinh năm: 1970; vắng mặt.

Địa chỉ: xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

20. Hà Văn H5, sinh năm 1979; vắng mặt.

Địa chỉ: Khu tái định cư cầu T, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

21. Đoàn Thị Thanh Th, sinh năm 1982; vắng mặt.

Địa chỉ: 440 P, phường C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

22. Nguyễn Văn Kh, sinh năm: 1957; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9, phường Tr, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

23. Đoàn Thị S, sinh năm: 1963; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

24. Đinh Thiên K, sinh năm: 1972; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Tr, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

25. Huỳnh Thị H6, sinh năm: 1971; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 5, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

26. Trương Thị H7, sinh năm: 1968; có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: 68/5 P, tổ 16, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
27. Võ Linh Q, sinh năm: 1991; vắng mặt.
Địa chỉ: Tổ 8, phường Ng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
28. Phan Thị Thanh V, sinh năm 1989; vắng mặt.
Địa chỉ: 69/4 L, phường P, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.
29. Nguyễn Thị Thu Th2, sinh năm: 1964; có mặt.
Địa chỉ: TDP số 8, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
30. Nguyễn Thị Bích Đ2, sinh năm: 1961; có mặt.
Địa chỉ: Thôn C 1, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
31. Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1964; có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: 481 V, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
32. Phạm Thị C, sinh năm 1990; có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: 426/10/23 N, phường Ng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
33. Nguyễn Thị H8, sinh năm 1957; vắng mặt.
Địa chỉ: TDP LH 1, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
34. Dương Văn Ngh, sinh năm 1970; có mặt.
Địa chỉ: 152 N, phường Ng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
35. Lưu Quỳnh Nh, sinh năm 1985; vắng mặt.
Địa chỉ: 661 V, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
36. Nguyễn Văn C2, sinh năm: 1956; vắng mặt.
Địa chỉ: Đội 6, thôn CH I, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
37. Ngô Thị Kh, sinh năm: 1983; có mặt.
Địa chỉ: TDP LH 2B, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
38. Nguyễn Đình Q, sinh năm 1961; có mặt.
Địa chỉ: 15 Trịnh Công Sơn, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
39. Nguyễn Thị Thu Th3, sinh năm 1964; có mặt.
Địa chỉ: 532 V, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

40. Nguyễn Thị Th4, sinh năm 1983; vắng mặt.
Địa chỉ: Phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
41. Đoàn Thị Hữu Y, sinh năm: 1988; có mặt.
Địa chỉ: Đội 3, thôn H, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
42. Hồ Thị Minh V, sinh năm: 1987; vắng mặt.
Địa chỉ: xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
43. Phùng Quang Th5, sinh năm: 1991; vắng mặt.
Địa chỉ: Đội 1, thôn Phú Bình, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
44. Nguyễn Thị Ph, sinh năm: 1995; vắng mặt.
Địa chỉ: Hẻm 968 Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
45. Đỗ Thị Ái Nh, sinh năm 1992; vắng mặt.
Địa chỉ: B5-40 T, phường C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
46. Từ Thị Minh H9, sinh năm 1983; có mặt.
Địa chỉ: xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
47. Nguyễn Thị Đoan Tr3, sinh năm 1966; có mặt.
Địa chỉ: Phòng khám Đa Khoa Khu vực TK – xã TK, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
48. Nguyễn Văn C3, sinh năm 1965; có mặt.
Địa chỉ: Phòng khám Đa Khoa Khu vực Tịnh Bắc – xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
49. Trương Thị Thu Th6, sinh năm: 1988; vắng mặt.
Địa chỉ: Phòng khám Đa Khoa Khu vực TK – xã TK, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
50. Phạm Thị T, sinh năm 1987; có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: TDP 2, thị trấn L, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
51. Nguyễn Văn N, sinh năm 1964; có mặt.
Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
52. Nguyễn Thị Ngọc Th7, sinh năm 1978; có mặt.
Địa chỉ: thôn Đ, xã TT, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
53. Vy Thị L, sinh năm 1981; vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 12, thôn A, xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

54. Đặng Thị D, sinh năm 1965; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

55. Trần Thị T2, sinh năm 1971; vắng mặt.

Địa chỉ: thôn CH I, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

56. Phan Thị Thanh H10, sinh năm 1972; có mặt.

Địa chỉ: Hẻm 72, tổ 6, N, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

57. Nguyễn Thị H11, sinh năm 1957; vắng mặt.

Địa chỉ: Phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

58. Nguyễn Thị Thu M, sinh năm: 1964; vắng mặt.

Địa chỉ: 483 V, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

59. Trương Thị Mỹ D2, sinh năm: 1985; có mặt.

Địa chỉ: 690 V, xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

60. Phan Thị Thi N3, sinh năm: 1990; vắng mặt.

Địa chỉ: 641 V, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

61. Võ Thị Hữu D3, sinh năm 1993; vắng mặt.

Địa chỉ: TDP LH 2B, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

62. Đặng Thị Thu H12, sinh năm 1986; vắng mặt.

Địa chỉ: 59/35 C, tổ 6, phường Ng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Tuấn L nguyên là Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện S (nay là Trung tâm Y tế huyện S) từ năm 2008 -2018 là chủ tài khoản, có trách nhiệm quản lý tài sản của Bệnh viện, quyết định các khoản thu, chi tại Bệnh viện. Theo Khoản 6, Điều 1 Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp

thời toàn bộ các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ sách kế toán. Thực hiện các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định hiện hành. Theo Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 16/2015/ND-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (thay thế cho Nghị định 43/2006/NĐ-CP) quy định: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định.

Đỗ Thị Minh T là Kế toán Bệnh viện đa khoa huyện S từ năm 2007, đến năm 2011 phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán Bệnh viện đa khoa huyện S, được bổ nhiệm làm kế toán trưởng Bệnh viện đa khoa huyện S theo Quyết định số 3411/QĐ-SYT ngày 03/12/2014 bổ nhiệm T giữ chức vụ kế toán trưởng từ ngày 04/12/2014 đến ngày 04/12/2019.

Theo quy định tại Điều 54 Luật Kế toán 2003, Đỗ Thị Minh T có trách nhiệm: Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán; Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật này; Lập báo cáo tài chính. Theo Điều 55 Luật Kế toán 2015, Kế toán trưởng có trách nhiệm: Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán; Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật này; Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.

Phạm Thị H là thủ quỹ Bệnh viện đa khoa huyện S từ năm 2006 đến năm 2018 theo Quyết định của Trung tâm y tế S số 129/QĐ-YT ngày 12/7/2006 về việc điều động, chuyển chuyên cán bộ. Phạm Thị H có trách nhiệm quản lý các nguồn tiền của Bệnh viện đa khoa huyện S, thực hiện các quyết định thu, chi của lãnh đạo Bệnh viện.

Hành vi bỏ ngoài sổ sách kế toán tài sản của Bệnh viện đa khoa huyện S:

Từ năm 2014 đến năm 2018 Bệnh viện đã thu số tiền viện phí là **20.435.794.980 đồng**, trong đó đã nộp tiền mặt vào tài khoản của Bệnh viện mở tại Kho bạc là **10.970.801.542 đồng**, còn lại số tiền **9.464.993.438 đồng**, Đặng Tuấn L đã chỉ đạo để lại quỹ tiền mặt của Bệnh viện không nộp vào Kho bạc để kiểm soát chi theo quy định. Trong số tiền 9.464.993.438 đồng thì Bệnh viện đa khoa huyện S đã chi các nội dung: thu nhập tăng thêm (thưởng A, B C), bồi dưỡng làm thêm giờ, công tác phí, cho cá nhân mượn v.v... được lập chứng từ đầy đủ, đúng thủ tục kế toán với số tiền 8.289.004.730 đồng.

Lợi dụng việc để lại lượng tiền mặt khá lớn tại quỹ tiền mặt của Bệnh viện, không nộp Kho bạc để kiểm soát chi, Đặng Tuấn L chỉ đạo Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H chi nhiều nội dung, nhiều khoản chi bằng tiền mặt bỏ ngoài hệ thống sổ sách kế toán, không được quản lý, theo dõi, cập nhật trong hệ thống sổ sách kế

toán của Bệnh viện mà chỉ được theo dõi trên sổ ghi chép cá nhân của Đỗ Thị Minh T và Phạm Thị H giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2018 là **1.175.988.700 đồng** để chi, như: chi bồi dưỡng nhà báo, chi bồi dưỡng duyệt quyết toán, chi bỏ bì thư thăm tết các cá nhân, đơn vị thường xuyên có quan hệ công tác với bệnh viện, chi ứng cá nhân, tiếp khách v.v... (Có bảng thống kê cụ thể).

Từ năm 2008 đến năm 2018 khi Đặng Tuấn L cần chi các khoản: tiếp khách, bồi dưỡng phóng viên nhà báo, bồi dưỡng các đoàn thanh tra, kiểm tra, chi thăm tết các cá nhân, cơ quan Bệnh viện thường có quan hệ công tác, v.v..Đặng Tuấn L chỉ đạo các nhân viên Bệnh viện viết giấy đề nghị ứng tiền, giấy đề nghị chi tiền trình L duyệt sau đó các nhân viên đến gặp Phạm Thị H nhận tiền và thực hiện các nội dung chi theo chỉ đạo của L. Đặng Tuấn L cần ứng tiền thì trực tiếp viết giấy ứng đưa cho Phạm Thị H chi tiền, Phạm Thị H được L chỉ đạo chi nội dung gì thì H trực tiếp viết giấy đề nghị chi tiền trình L duyệt rồi H chi tiền của Bệnh viện cho các hoạt động nói trên. Phạm Thị H chi tiền theo chỉ đạo của Đặng Tuấn L, lưu giấy ứng tiền, ghi chép vào sổ cá nhân, không cập nhật vào sổ quỹ tiền mặt của Bệnh viện, H báo cáo cho Đỗ Thị Minh T theo dõi các khoản chi ngoài sổ sách này, đến cuối năm T, H đối chiếu số tiền đã thu trong năm với số tiền đã cập nhật vào sổ sách kế toán luôn bị thiếu một khoản tiền do L đã chỉ đạo H chi và để ngoài sổ sách kế toán.

Giai đoạn từ năm 2008 đến tháng 02/2011, Nguyễn Thị Hường (hiện nay đã nghỉ hưu) là Kế toán trưởng của Bệnh viện Đa khoa Sơn Tịnh. Nguyễn Thị Hường, cùng với Phạm Thị H đã thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Đặng Tuấn L để ngoài sổ sách kế toán các khoản chi bồi dưỡng cho cán bộ kho bạc, Sở Y tế, đoàn kiểm toán,v.v.. với số tiền 130.458.000 đồng. Tháng 3 năm 2011 khi Hường nghỉ hưu, bàn giao công việc, sổ sách kế toán cho Đỗ Thị Minh T thì có yêu cầu Phạm Thị H báo cáo các khoản chi để ngoài sổ sách kế toán đang theo dõi cho Đỗ Thị Minh T tiếp tục theo dõi.

Giai đoạn Đỗ Thị Minh T nghỉ sinh (từ ngày 04/02/2012 đến ngày 28/6/2012 và từ ngày 12/12/2016 đến ngày 31/5/2017) thì Phạm Thị Thu Tr3 – Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính được giao nhiệm vụ Kế toán trưởng, phụ trách công tác kế toán thay cho T. Vì làm việc trong thời gian ngắn, tạm thời nên khi Phạm Thị H thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đặng Tuấn L chi các khoản chi để ngoài sổ kế toán với số tiền là 10.600.000 đồng (giai đoạn 1) và 70.200.000 đồng (giai đoạn 2), tổng cộng là: 80.800.000 đồng.

Từ năm 2011 đến năm 2018, Đỗ Thị Minh T phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán, sau đó được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng đã cùng với Phạm Thị H thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đặng Tuấn L chi một số khoản chi để ngoài sổ sách kế toán (chi bồi dưỡng nhà báo, chi hỗ trợ, chi bỏ bì thư, chi tết, chi ứng cá nhân, tiếp khách,v.v...) với số tiền 964.730.700 đồng và theo dõi các khoản chi để ngoài sổ sách giai đoạn 2008 - 2010 nói trên.

* Từ năm 2008 đến năm 2018, Bệnh viện đa khoa huyện S chi thăm tết các cá nhân, đơn vị mà Bệnh viện thường xuyên có quan hệ làm việc số tiền là 317.976.000 đồng. Quá trình xác minh làm rõ các khoản chi để ngoài sổ sách kế toán, Đặng Tuấn L khai nhận có chi giao dịch, tết cho các cá nhân thuộc Sở Y tế, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Tịnh. Các khoản chi tết cho các cá nhân, cơ quan nói trên năm 2016, 2018 được thể hiện trong biên bản họp Ban giám đốc và lãnh đạo các khoa phòng thuộc Bệnh viện đa khoa huyện S năm 2016, 2018, còn các năm còn lại thì không có biên bản họp thể hiện nhưng các ông bà Nguyễn Thị Bích Ng, Đỗ Văn D3, Huỳnh T2 Phó Giám đốc Bệnh viện xác nhận hàng năm Bệnh viện đa khoa huyện S có chủ trương cử cán bộ đi thăm tết các cá nhân, đơn vị mà Bệnh viện thường xuyên có quan hệ công việc. Ông L phân công cho Đỗ Thị Minh T, Phạm Thành Tr đi giao dịch, thăm tết mà phần lớn Phạm Thành Tr là người trực tiếp đi thăm tết và đưa tiền. Đỗ Thị Minh T khai có đi thăm tết các cá nhân, cơ quan nhưng không nhớ rõ đã đưa tiền cho ai, khi đưa tiền cũng không có ai chứng kiến, không có giấy tờ gì thể hiện việc đưa tiền. Phạm Thành Tr đã chết năm 2019 nên không làm rõ được số tiền đã đưa cũng như đã đưa cho những cá nhân, cơ quan nào. Làm việc với các cá nhân thuộc Sở Y tế, Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Tịnh có tên trong biên bản họp của Bệnh viện đều không thừa nhận có nhận tiền gì của Bệnh viện đa khoa huyện S.

Xét thấy việc chi giao dịch, tết các cá nhân, cơ quan thường xuyên làm việc với Bệnh viện là có thật, được Ban Giám đốc, lãnh đạo các khoa phòng bệnh viện tham gia họp bàn thống nhất, tuy nhiên không có tài liệu thể hiện các cá nhân, cơ quan đã nhận tiền của Bệnh viện Sơn Tịnh, trong khi người đưa tiền cũng không nhớ rõ đã đưa cho ai, bao nhiêu tiền nên không có cơ sở xác định có dấu hiệu chiếm đoạt đối với số tiền 317.976.000 đồng.

Lập chứng từ khống để quyết toán các khoản chi để ngoài sổ sách kế toán

Từ năm 2016 đến năm 2018, Đỗ Thị Minh T đề xuất với Đặng Tuấn L cho lập chứng từ khống để quyết toán bớt những khoản chi ngoài sổ sách kế toán. Đặng Tuấn L đồng ý cho T, H cùng một số nhân viên khác thực hiện việc lập chứng từ khống. Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H cùng một số nhân viên Bệnh viện (Võ Đức Tr2, Lưu Quỳnh Nh và một số nhân viên khác của Bệnh viện không xác định cụ thể) đã liên hệ các quán ăn, cơ sở sửa chữa máy vi tính yêu cầu xuất khống 40 hóa đơn chứng từ tiếp khách, sửa chữa máy vi tính khống quyết toán với tổng số tiền 311.494.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) để quyết toán các khoản chi để ngoài sổ sách kế toán. Còn 05 hóa đơn chứng từ do Phạm Thị Thu Tr3 (trong thời gian T nghỉ thai sản) Trà lập khống với số tiền 27.735.000 đồng.

Trong số 45 chứng từ khống nói trên thì:

- Có 05 chứng từ không với số tiền 27.735.000 đồng do Phạm Thị Thu Tr3
- Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán lập theo chỉ đạo của Đặng Tuấn L trong thời gian Đỗ Thị Minh T nghỉ sinh (tháng 12/2016 đến tháng 4/2017).

- Có 04 bộ chứng từ không với số tiền 88.150.000 đồng đã được L, T,H lập không để quyết toán cho các khoản chi để ngoài sổ sách nhưng L chưa ký duyệt phiếu chi thì L phải bàn giao quyền quản lý cho ông Huỳnh T2 nên Đỗ Thị Minh T đã trình cho ông Huỳnh T2 ký với lý do các chứng từ này đã được ông L duyệt trước đó. Ông Thiện tin tưởng vào Đỗ Thị Minh T nên đã ký duyệt vào 04 phiếu chi không.

* 45 chứng từ không với tổng số tiền 339.229.000 đồng của Bệnh viện đa khoa huyện S đã được 09 cá nhân, tổ chức xuất hóa đơn. Cụ thể:

1. Quán Bê Thui VTh (do bà Bùi Thị Mai Th làm chủ) ở địa chỉ xã T, TP Quảng Ngãi đã xuất không lấy tiền hóa đơn cho Bệnh viện đa khoa huyện S theo yêu cầu của Bệnh viện 09 hóa đơn tiếp khách với tổng số tiền 46.492.000 đồng.

2. DNTN Com niêu HS (do Nguyễn Thị L làm chủ), ở địa chỉ TDP LH 2B, phường T, TP Quảng Ngãi đã xuất không 06 hóa đơn tiếp khách với tổng số tiền 40.942.000 đồng cho Bệnh viện đa khoa huyện S do ngày tiếp khách thực tế không đúng ngày trên hóa đơn và gộp nhiều phiếu tính tiền của nhiều ngày để xuất hóa đơn nên không thu tiền % hóa đơn.

3. Quán ăn CT (do Lê Công H làm chủ) ở địa chỉ thôn Cộng Hòa 1, xã T, TP Quảng Ngãi đã xuất không 18 hóa đơn tiếp khách với tổng số tiền 96.520.000 đồng cho Bệnh viện đa khoa huyện S và tính 4,5% số tiền trên hóa đơn (4.343.400 đồng) và nộp số tiền 4.343.400 đồng đã thu vào ngân sách nhà nước.

4. Công ty TNHH MTV và DV TD (do Trương Tấn D2 làm Giám đốc) (quán nhậu Đồng Xanh) ở địa chỉ 95/10 Lê Lợi, phường C, TP Quảng Ngãi đã xuất không 04 hóa đơn tiếp khách với tổng số tiền 19.400.000 đồng cho Bệnh viện đa khoa huyện S và không thu tiền % hóa đơn.

5. Công ty TNHH MTV TMDV HH (quán nhậu hải sản Lý Sơn, do Dương Thị Diên làm Giám đốc) ở địa chỉ phường T, TP Quảng Ngãi đã xuất không 01 hóa đơn tiếp khách với số tiền 3.240.000 đồng cho Bệnh viện đa khoa huyện S và không thu tiền % hóa đơn.

6. Quán lẩu ĐQ (do Nguyễn Phi H3 làm chủ) ở địa chỉ TDP TT A, phường T, TP Quảng Ngãi đã xuất không 01 hóa đơn tiếp khách với số tiền 3.315.000 đồng cho Bệnh viện đa khoa huyện S và không thu tiền % hóa đơn.

7. Quán ăn HR (do Phạm Văn L2 làm chủ), ở thôn An Hội Bắc 3, xã N, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi đã xuất không 02 hóa đơn tiếp khách với số tiền 15.000.000 đồng cho Bệnh viện đa khoa huyện S và không thu tiền % hóa đơn.

8. Cơ sở in và dịch vụ sửa chữa máy văn phòng Nguyễn Thị Nguyệt Tr (do Nguyễn Thị Nguyệt Tr là vợ Võ Đức Tr2 làm chủ ở địa chỉ thôn Cộng Hòa 1, xã T, TP Quảng Ngãi đã làm không 03 chứng từ sửa chữa, nâng cấp máy vi tính cho các khoa phòng với tổng số tiền 99.750.000 đồng cho Bệnh viện đa khoa huyện S, không thu tiền % hóa đơn.

9. Phạm Thành Tr cùng Đỗ Thị Minh T và Đặng Tuấn L làm không chứng từ thuê nhân công nạo vét hệ thống thoát nước và hầm hút với số tiền 12.250.000 đồng.

Phạm Thị H khai nhận mua 09 hóa đơn không, Đỗ Thị Minh T khai mua 02 hóa đơn không (không nhớ rõ số tiền % mua hóa đơn không), Lê Bá N mua 02 hóa đơn không (không nhớ rõ số tiền % mua hóa đơn không), còn các nhân viên khác của Bệnh viện như Lưu Quỳnh Như, Võ Đức Tr2 khai có mua hóa đơn không nhưng không nhớ rõ mua bao nhiêu hóa đơn, trả bao nhiêu tiền % mua hóa đơn, các Quán ăn xuất không hóa đơn cũng không xác định cụ thể nhân viên nào của Bệnh viện Sơn Tịnh đã đến liên hệ mua hóa đơn không.

Ngoài ra còn lập các chứng từ không để quyết toán số tiền Đặng Tuấn L ứng cá nhân 16.000.000 đồng và tiền chi tết năm 2017 cho các cá nhân L, T, H, Tr, Phạm Thị T (nhân viên kế toán): 13.000.000 đồng. Tổng cộng: 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng chẵn). Lập chứng từ không bằng sự cố y khoa để quyết toán số tiền 147.220.000 đồng (bao gồm các khoản tiền: Chi tết cho 04 cá nhân (L, T, H, Tr) năm 2015, 2016: 26.000.000 đồng; L ứng cá nhân: 40.000.000 đồng, ứng chi nhà báo: 1.900.000 đồng; tiếp khách: 52.208.000 đồng; Phạm Thành Tr ứng 1.762.000 đồng; T, H ứng cá nhân: 10.000.000 đồng; L ứng trả lại tiền cho bệnh nhân chụp XQ: 350.000 đồng; 15.000.000 đồng chi sự cố y khoa nhưng các bị cáo không nhớ cụ thể).

Như vậy, trong khoản tiền **1.175.988.700 đồng** các bị cáo bỏ ngoài hệ thống sổ sách kế toán, không được quản lý, theo dõi, cập nhập trong hệ thống sổ sách kế toán của Bệnh viện mà chỉ được theo dõi trên sổ ghi chép cá nhân của Đỗ Thị Minh T và Phạm Thị H giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2018 là dùng để chi các khoản tiếp khách, bồi dưỡng duyệt quyết toán, bồi dưỡng phóng viên, nhà báo, ứng cá nhân, v.v... Trong đó: đã quyết toán không trước năm 2015 là: 41.950.000 đồng; quyết toán không sau năm 2015 là: 303.957.000 đồng; chi hoặc trả bằng tiền mặt là: 43.731.700 đồng; lập chứng từ không để bàn giao là: 639.130.000 đồng, thay đổi nội dung thành sự cố y khoa là: 147.220.000 đồng.

Lê Bá N là lái xe cứu thương của Bệnh viện đa khoa huyện S, (nhân viên hợp đồng không thời hạn theo Nghị định số 68), ngoài việc làm lái xe cứu thương, Lê Bá N được Bệnh viện thuê làm công việc cắt cỏ, sửa chữa nhỏ các khoa phòng của Bệnh viện bằng hình thức ký hợp đồng với Lê Bá N. Đặng Tuấn

L ký hợp đồng thuê ngày công lao động với Lê Bá N để thực hiện các công việc cắt cỏ, sửa chữa nhỏ các khoa phòng của Bệnh viện.

Với hình thức ký hợp đồng thuê ngày công thực hiện, Lê Bá N đã ký giả các chứng từ thanh toán thuê nhân công để sửa chữa nhỏ tại Bệnh viện, nâng khống ngày công thực hiện, làm chứng từ thanh toán ngày công do Nhiều thực hiện trùng lặp với ngày làm việc được trả lương hàng tháng. Lê Bá N đã làm và xây dựng 17 chứng từ thanh toán ngày công lao động, mua nguyên vật liệu không đúng với thực tế công việc đã thực hiện để được thanh toán số tiền 118.601.255 đồng, trong khi thực tế chỉ làm và chi trả số tiền 75.739.255 đồng cho những người trực tiếp tham gia sửa chữa nhỏ cho Bệnh viện, Lê Bá N đã chiếm đoạt của Bệnh viện đa khoa huyện S số tiền 32.670.000 đồng.

Sai phạm trong việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHXH, BHYT, BHTN) cho bà Trương Thị Mỹ D2

Trương Thị Mỹ D2 (con dâu ông Đặng Tuấn L) nghỉ việc tại Bệnh viện đa khoa huyện S từ tháng 6/2012 thì đúng ra Bệnh viện phải làm thủ tục báo giảm bảo hiểm xã hội đối với trường hợp Trương Thị Mỹ D2. Nhưng Đặng Tuấn L chỉ đạo Nguyễn Văn C không làm thủ tục báo giảm mà tiếp tục duy trì việc đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Trương Thị Mỹ D2 tại Bệnh viện để Diệu có điều kiện thuận lợi khi thi đại học tại chức ngành y và giao cho Đỗ Thị Minh T thu tiền của Diệu để nộp cho Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Tịnh. Tuy nhiên đến năm 2015 T chỉ thu tiền của Diệu từ tháng 6/2012 đến tháng 6/2013 còn sau đó T không thu tiền của Diệu nên đã để Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Tịnh tự động trích từ số tiền 2% chế độ thai sản của Bệnh viện để đóng bảo hiểm cho bà Diệu từ tháng 7/2013 đến tháng 8/2019. Đầu năm 2018 sau khi thanh tra bảo hiểm xã hội yêu cầu Bệnh viện điều chỉnh hệ số lương từ 1,0 lên 1,86 cho một số nhân viên Bệnh viện thì Đặng Tuấn L chỉ đạo Võ Đức Tr2 và nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính soạn thảo lại hợp đồng cho các trường hợp phải điều chỉnh hệ số lương theo yêu cầu của Bảo hiểm xã hội huyện Sơn Tịnh, trong đó có cả trường hợp Trương Thị Mỹ D2. Việc Đặng Tuấn L lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ đạo Nguyễn Văn C, Đỗ Thị Minh T, Võ Đức Tr2 không làm thủ tục báo giảm bảo hiểm xã hội đối với Trương Thị Mỹ D2 đã làm Bệnh viện bị thiệt hại số tiền 41.919.540 đồng. Nhưng sau đó Đặng Tuấn L đã chủ động nộp khắc phục số tiền 41.919.540 đồng.

Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 21/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo: Đặng Tuấn L, Phạm Thị H về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*” theo khoản 3 Điều 221 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đỗ Thị Minh T về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả*

ngghiêm trọng” theo điểm d khoản 2 Điều 221 của Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Bá N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 3 Điều 221; điểm b, s, v, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đặng Tuấn L: 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng: khoản 3 Điều 221; điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Thị H: 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 221; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đỗ Thị Minh T từ 18 – 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 – 48 tháng về tội “*Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Bá N từ 12 – 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 36 tháng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Bị cáo Đặng Tuấn L đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 570.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Thị Minh T đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 51.500.000 đồng; Bị cáo Phạm Thị H đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 12.000.000 đồng. Bị cáo Lê Bá N đã tự nguyện khắc phục hậu quả số tiền 32.670.000 đồng.

Các bị cáo: Đặng Tuấn L, Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho Trung tâm Y tế huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

** Xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên trả lại cho Trung tâm Y tế huyện S, tỉnh Quảng Ngãi: 01 (một) CPU máy vi tính để bàn, màu đỏ đen, mặt trước của CPU có dòng chữ “JETEX COMPUTER CASE NIGHT QUALITY”, không kiểm tra chất lượng bên trong

** Luận cứ của Luật sư Trần Đức Nh bào chữa cho bị cáo Đặng Tuấn L:*

Luật sư thống nhất về tội danh, luận tội và mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, Luật sư bổ sung thêm: Hành vi giữ lại tiền mặt của bị cáo là không đúng quy định nhưng theo các quy định về Bệnh viện tự chủ tài chính được giữ lại 30% tiền mặt để chi; theo nguyên tắc kế toán thì Bệnh viện phải nộp tiền viện phí vào Kho bạc mới được chi nhưng tình hình của Bệnh viện đa khoa huyện S rất cấp bách, được cơ quan thẩm quyền giao điều trị một số loại bệnh thuộc Bệnh viện cấp tỉnh nên cần tiền mặt để chi. Đối với các khoản chi sai quy định như tiếp khách, quà tết, ... mục đích là để nâng cao uy tín, chất lượng của Bệnh viện, tạo điều kiện trị bệnh cho bệnh nhân và nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức, thực tế các cuộc họp Ban Giám đốc đã thống nhất việc chi tiếp khách, quà tết này nên sai phạm trong vụ án này liên quan đến nhiều người trong Ban giám đốc nên hành vi phạm tội của bị cáo là khách quan. Các cơ quan cấp trên đi kiểm tra, thanh tra chưa làm tròn chức năng của mình, chưa chỉ đạo khắc phục sai phạm quyết liệt. Bị cáo đã khắc phục 2/3 thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

** Luận cứ của Luật sư Hà Vĩnh Ph bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Minh T:*

Hành vi của bị cáo xuất phát từ mong muốn giúp cho Lãnh đạo Bệnh viện đa khoa huyện S nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, dịch vụ của Bệnh viện để phục vụ nhân dân, không vì động cơ vụ lợi. Bệnh viện là đơn vị tự chủ về tài chính, tự thu tự chi; theo quy định thì đơn vị tự chủ tài chính được phép giữ lại 30% tiền mặt thu được để chi, thực tế nhu cầu của Bệnh viện phải có lượng tiền mặt lớn để kịp thời mua thuốc điều trị cho bệnh nhân; tuy bị cáo tự ý để ngoài sổ sách các khoản thu tiền mặt nhưng không vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc tài chính kế toán, các đơn vị kiểm tra không có văn bản chấn chỉnh nên bị cáo cứ tiếp tục thực hiện hành vi trong thời gian dài. Tại phiên tòa, Đại diện của Bệnh viện đa khoa huyện S cũng thừa nhận hành vi của các bị cáo tuy sai nhưng góp phần cho Bệnh viện có danh tiếng như ngày hôm nay.

Đối với số tiền thiệt hại từ năm 2008 – 2018 là khoảng 964.000.000 đồng thì nếu chia ra từng năm thì thiệt hại không lớn. Thực tế bị cáo T không thực hiện việc chi sai quy định và cũng không tham gia, bị cáo chỉ hợp thức hóa chứng từ khoảng 303 triệu đồng, Viện kiểm sát truy tố bị cáo toàn bộ số tiền khoảng 964.000.000 đồng là nặng cho bị cáo.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả. Trong quá trình công tác được tặng thưởng Giấy khen; gia đình khó khăn, con bị cáo còn nhỏ; gia đình có công với cách mạng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

** Luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H:*

Bị cáo không có nghiệp vụ kế toán, không biết các quy định về kế toán, hành vi của bị cáo không vi động cơ vụ lợi mà chỉ nghe chỉ đạo của Lãnh đạo. Hành vi của bị cáo tuy vi phạm pháp luật nhưng đã góp phần vào sự phát triển của Bệnh viện đa khoa huyện S. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ hình sự, gia đình có công với cách mạng; bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

** Bị hại: Đại diện Trung tâm Y tế huyện S:*

Quá trình công tác tại Bệnh viện đa khoa huyện S (nay là Trung tâm Y tế huyện S) thời điểm bị cáo Đặng Tuấn L làm Giám đốc rất khó khăn, thiếu trang thiết bị y tế và thuốc điều trị cho nhân dân. Mặc dù các bị cáo vi phạm pháp luật, nhưng việc chỉ đạo của bị cáo L đã được Ban Giám đốc thống nhất, tại thời điểm đó bị cáo và Ban Giám đốc đều không biết đó là vi phạm pháp luật. Bị cáo L có công rất lớn trong quá trình xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện S từ một Bệnh viện thiếu thốn về vật chất nay đã đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị và thuốc điều trị phục vụ nhu cầu cho nhân dân. Bệnh viện đã 02 lần nhận Huân chương Lao động hạng 3 và hạng 2, đều là nhờ công sức đóng góp rất lớn của bị cáo Đặng Tuấn L và các bị cáo, các bị cáo hoàn toàn không có tư lợi cá nhân. Hoàn cảnh của các bị cáo rất khó khăn, rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy những người này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo: Đặng Tuấn L, Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H, Lê Bá N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ năm 2014 đến năm 2018 Bệnh viện đa khoa huyện S (nay là Trung tâm Y tế huyện S) đã thu số tiền viện phí là 20.435.794.980 đồng, trong đó đã nộp tiền mặt vào tài khoản của Bệnh viện mở tại Kho bạc là 10.970.801.542 đồng, còn lại số tiền 9.464.993.438 đồng, Đặng Tuấn L đã chỉ đạo để lại quỹ tiền mặt của Bệnh viện không nộp vào Kho bạc để kiểm soát chi theo quy định. Trong số tiền 9.464.993.438 đồng thì Bệnh viện đa khoa huyện S đã chi các nội dung: trả lương, thu nhập tăng thêm, bồi dưỡng làm thêm giờ, công tác phí, cho cá nhân mượn v,v... được lập chứng từ đầy đủ, đúng quy định về chế độ tài chính kế toán với số tiền 8.289.004.730 đồng.

Từ năm 2008-2018 Đặng Tuấn L chỉ đạo Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H chi nhiều nội dung, nhiều khoản chi bằng tiền mặt bỏ ngoài hệ thống sổ sách kế toán, không được quản lý, theo dõi, cập nhật trong hệ thống sổ sách kế toán của Bệnh viện mà chỉ được theo dõi trên sổ ghi chép cá nhân của Đỗ Thị Minh T và Phạm Thị H với số tiền là **1.175.988.700 đồng** để chi, như: chi bồi dưỡng nhà báo, chi bồi dưỡng duyệt quyết toán, chi cho các đoàn thanh tra, kiểm tra, chi bỏ bì thư thăm tết các cá nhân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, Sở Y tế, Kho bạc...là các đơn vị thường xuyên có quan hệ công tác với bệnh viện, chi ứng cá nhân, tiếp khách v,v,...

Trong số tiền 1.175.988.700 đồng thì đã được quyết toán khổng trước 2015 là 41.950.000 đồng (không xác định được chứng từ). Sau năm 2015 quyết toán khổng 303.957.000 đồng; Chi trả bằng tiền mặt, quyết toán bằng chứng từ hợp lệ: 43.731.700 đồng; còn lại bàn giao các khoản nợ ứng: lập chứng từ khổng để bàn giao: 639.130.000 đồng, thay đổi nội dung bằng sự cố y khoa 147.220.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo:

[3.1] Hành vi của bị cáo Đặng Tuấn L:

Bị cáo Đặng Tuấn L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nguyên là Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện S từ năm 2008 đến năm 2018, trực tiếp điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Bệnh viện.

Bị cáo là chủ tài khoản của Bệnh viện, ký duyệt tất cả các khoản thu – chi của Bệnh viện. Trách nhiệm của bị cáo được quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ: “Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp thời toàn bộ các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ sách kế toán”; tại khoản 5 Điều 23 Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định: “Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định”.

Từ năm 2014 đến năm 2018, bị cáo đã chỉ đạo cấp dưới để lại số tiền: 9.464.993.438 đồng không nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định để kiểm soát chi là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ. Trong số tiền 9.464.993.438 đồng thì Bệnh viện đã chi các nội dung: trả lương, thu nhập tăng thêm, bồi dưỡng làm thêm giờ, công tác phí, cho cá nhân mượn v.v... được lập chứng từ đầy đủ, đúng quy định về chế độ tài chính kế toán với số tiền 8.289.004.730 đồng.

Còn lại số tiền 1.175.988.700 đồng được quyết toán không trước 2015 là 41.950.000 đồng (không xác định được chứng từ). Sau năm 2015 quyết toán không 303.957.000 đồng; Chi trả bằng tiền mặt, quyết toán bằng chứng từ hợp lệ: 43.731.700 đồng, bàn giao các khoản nợ ứng: lập chứng từ không để bàn giao: 639.130.000 đồng, thay đổi nội dung bằng sự cố y khoa 147.220.000 đồng. Chi nhiều nội dung bằng tiền mặt, không có chứng từ quyết toán, không cập nhật sổ sách kế toán của Bệnh viện. Để hợp thức hóa số tiền đã chi không có chứng từ, bị cáo đã chỉ đạo: Phạm Thị H, Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị Thu Tr3 sử dụng 45 chứng từ, hóa đơn của 09 cá nhân, tổ chức để quyết toán không chi phí như: Tiếp khách, nâng cấp sửa chữa máy tính, nạo vét cống thoát nước. Mặc dù không có động cơ vụ lợi, nhưng hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định về kế toán gây thiệt hại cho tài sản của Trung tâm Y tế huyện S số tiền: 1.175.988.700 đồng.

[3.2] Hành vi của bị cáo Phạm Thị H:

Bị cáo Phạm Thị H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nguyên là Thủ quỹ Bệnh viện đa khoa huyện S, có trách nhiệm thu, chi, quản lý tiền mặt của đơn vị, biết việc chi tiền cần phải có chứng từ kế toán, phản ánh đầy đủ vào hệ thống sổ sách kế toán của Bệnh viện nhưng bị cáo vẫn thực hiện sự chỉ đạo của bị cáo Đặng Tuấn L, chi nhiều nội dung bằng tiền mặt nhưng không cập nhật vào sổ sách kế toán, để ngoài sổ sách kế toán. Bị cáo cùng với bị cáo Đỗ Thị Minh T hợp thức hóa chứng từ, bị cáo cùng bị cáo T thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo L dùng 45 chứng từ, hóa đơn của 09 cá nhân, tổ chức để quyết toán không; bị cáo biết chỉ đạo của bị cáo L là trái quy định về kế toán nhưng bị cáo vẫn thực

hiện, gây thiệt hại cho tài sản của Trung tâm Y tế huyện S số tiền: 1.175.988.700 đồng.

[3.3] Hành vi của bị cáo Đỗ Thị Minh T:

Bị cáo Đỗ Thị Minh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nguyên là Kế toán trưởng Bệnh viện đa khoa huyện S, có trách nhiệm quản lý ngân sách, tài chính của Bệnh viện, biết rõ các quy định, nguyên tắc kế toán theo Luật kế toán, biết chỉ đạo của Đặng Tuấn L để tiền viện phí ngoài sổ sách không nộp vào Kho bạc Nhà nước để kiểm soát chi là trái với quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ, nhưng bị cáo không tham mưu, ngăn cản mà còn tham gia tích cực, không làm thủ tục nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước theo quy định để kiểm soát chi mà để lại tiền mặt sử dụng, chi nhiều nội dung không đúng với quy định, không cập nhật vào hệ thống sổ sách kế toán của Bệnh viện, không có chứng từ. Để hợp thức hóa số tiền đã chi không có chứng từ, bị cáo đề xuất với Đặng Tuấn L và được L đồng ý sử dụng 40 chứng từ, hóa đơn của các cá nhân, tổ chức để quyết toán không các chi phí. Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại cho tài sản của Trung tâm Y tế huyện S số tiền: 964.730.700 đồng.

[3.4] Hành vi của bị cáo Lê Bá N:

Bị cáo Lê Bá N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo là nhân viên lái xe cứu thương của Bệnh viện đa khoa huyện S, bị cáo ký hợp đồng với Bệnh viện làm công cắt cỏ, sửa chữa nhỏ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị cáo đã gian dối lập khống các chứng từ thanh toán tiền công, mua vật liệu để chiếm đoạt của Bệnh viện số tiền: 32.670.000 đồng.

[4] Hành vi của bị cáo Đặng Tuấn L và bị cáo Phạm Thị H đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 221 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Đỗ Thị Minh T đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 221 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Lê Bá N đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số: 08/CT-VKS ngày 21/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, vi phạm quy định về kế toán, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[6] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

[6.1] Bị cáo Đặng Tuấn L: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả số tiền 570.000.000đồng; có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và làm nhiệm vụ Quốc tế ở Campuchia từ năm 1979 – 1989 được tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang, Huân chương chiến công hạng 3; được Chủ tịch nước tặng thưởng danh hiệu Thầy thuốc ưu tú năm 2017, trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều Giấy khen; gia đình bị cáo có công với cách mạng: Ông ngoại là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, cha được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v, x khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.2] Bị cáo Phạm Thị H: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả số tiền 12.000.000đồng; Bị cáo có cha ruột là Liệt sĩ, mẹ là bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.3] Bị cáo Đỗ Thị Minh T: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả số tiền 51.500.000đồng; trong quá trình công tác được tặng thưởng Giấy khen; có nhân thân là người có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6.4] Bị cáo Lê Bá N: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt 32.670.000đồng; bị cáo được tặng thưởng Giấy khen trong công tác phòng, chống dịch bệnh, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với Phạm Thành Tr: Phạm Thành Tr công tác tại Bệnh viện đa khoa huyện S từ năm 1987 – 2018. Từ năm 2007 – tháng 5/2018 làm Phó Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, phụ trách công tác hành chính của Bệnh viện. Phạm Thành Tr cùng với Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Đặng Tuấn L tạm ứng 331.381.000 đồng của Bệnh viện chi cho các nội dung để ngoài sổ sách kế toán, sau đó tham gia cùng Đặng Tuấn L, Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H lập chứng từ khống để quyết toán một số khoản chi ngoài sổ sách

kế toán. Tuy nhiên Phạm Thành Tr đã chết nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trọng.

[8] Đối với Huỳnh T2: Huỳnh T2 là Phó Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện S. Ông Thiện tin tưởng vào Đỗ Thị Minh T mà không kiểm tra kỹ nên đã ký duyệt vào 04 phiếu chi không thuộc 04 bộ chứng từ không với số tiền 88.150.000 đồng đã được L, T, H lập không trước đó để quyết toán cho các khoản chi để ngoài sổ sách. Hành vi của Huỳnh T2 có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, tuy nhiên hậu quả xảy ra chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9] Đối với Võ Đức Tr2: Võ Đức Tr2 ký xác nhận trong các hồ sơ thanh toán cho Công ty TNHH MTV HT tại 04 Ủy nhiệm chi với tổng số tiền 345.088.481 đồng nhưng ký theo đề nghị của ông Phạm Thành Tr, Trí không rõ các công việc này có được thực hiện trên thực tế hay không. Quá trình điều tra xác định: năm 2017, 2018 tại các khoa phòng của Bệnh viện đa khoa huyện S có nhu cầu sửa chữa, lắp đặt một số hạng mục nên lãnh đạo các khoa phòng đề xuất bằng miệng hoặc bằng giấy đề nghị gửi Giám đốc Bệnh viện, Đặng Tuấn L giao nhiệm vụ cho ông Phạm Thành Tr, Trưởng phòng phụ trách Phòng Tổ chức – Hành chính kiểm tra và tiến hành thuê đơn vị thực hiện việc sửa chữa, lắp đặt và có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện. Cụ thể Bệnh viện có ký hợp đồng thuê Công ty TNHH MTV HT sửa chữa, lắp đặt một số hạng mục tại các khoa phòng, sau khi nhân viên các khoa phòng nghiệm thu công việc sửa chữa lắp đặt thì Phạm Thành Tr phối hợp với Công ty TNHH MTV HT lập chứng từ thanh quyết toán số tiền 345.088.481 đồng. Ông Phạm Thanh Tr nghỉ hưu từ tháng 5/2018 nhưng vì ông Tr có kinh nghiệm trong việc theo dõi, giám sát việc mua sắm sửa chữa tại Bệnh viện nên Bệnh viện tiếp tục ký hợp đồng lao động thuê ông Tr tiếp tục theo dõi, giám sát việc mua sắm, sửa chữa nhưng vì ông Tr đã nghỉ hưu nên không ký tên đại diện Phòng Tổ chức - Hành chính được nên dù công việc thực tế do ông Tr theo dõi, giám sát nhưng ông Võ Đức Tr2 lúc này là Phó trưởng phòng Tổ chức – Hành chính ký xác nhận vào 04 bộ chứng từ nói trên để đủ cơ sở thanh toán. Lãnh đạo Bệnh viện và các nhân viên khoa phòng đã ký đề nghị sửa chữa, lắp đặt các hạng mục tại 04 bộ chứng từ nói trên thì đều xác nhận nội dung sửa chữa nêu trong 04 bộ chứng từ là đúng thực tế nên không có thất thoát ngân sách của đơn vị. Vì vậy không có cơ sở xác định ông Võ Đức Tr2 có hành vi thiếu trách nhiệm trong việc ký 04 bộ chứng từ có giá trị 345.088.481 đồng nói trên.

Năm 2018, Đỗ Thị Minh T đề xuất với Đặng Tuấn L về việc ông Võ Đức Tr2 có vợ làm chủ Cơ sở in và dịch vụ sửa chữa máy văn phòng Nguyễn Thị Nguyệt Tr nên nhờ ông Trí làm không 03 hợp đồng in ấn sửa chữa thiết bị văn

phòng vào năm 2018 và xuất hóa đơn từ cơ sở in Nguyễn Thị Nguyệt Tr (là vợ ông Trí) nhằm để hợp pháp hóa số tiền chi phí ngoại giao của đơn vị thì L đồng ý. Vì cả nể Đặng Tuấn L là lãnh đạo Bệnh viện nên Trí đồng ý làm không 03 hợp đồng sửa chữa mua sắm cho Bệnh viện với tổng số tiền 99.750.000 đồng, giữ lại 7.016.000 đồng nộp thuế. Hành vi của Võ Đức Tr2 vi phạm quy định về kế toán, tuy nhiên hậu quả xảy ra chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự đối với Võ Đức Tr2.

Ngoài ra ông Trí còn ký ở mục Người đề nghị thanh toán trong Giấy đề nghị thanh toán, mục Người mua hàng trong hóa đơn trong 06 bộ chứng từ khống chi tiếp khách với số tiền 26.110.000 đồng để bù các khoản chi ngoại giao của Bệnh viện. Theo ông Trí trình bày vì ông cũng thường được lãnh đạo Bệnh viện giao nhiệm vụ đi tiếp khách nên khi nhân viên kế toán (không nhớ rõ là ai) đưa cho ông các chứng từ chi tiếp khách và nói ông ký hoàn chỉnh hồ sơ để quyết toán các khoản chi tiếp khách của Bệnh viện, ông không kiểm tra nên không biết các chứng từ đã ký là khống. Hành vi của Võ Đức Tr2 khi ký vào 06 bộ chứng từ nói trên là thiếu trách nhiệm tuy nhiên hậu quả xảy ra chưa đến mức nghiêm trọng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Có 03 chứng từ chi tiếp khách với số tiền 22.680.000 đồng thực tế ông cùng Đặng Tuấn L đi công tác tại huyện Lý Sơn (dự ký kết giao ước thi đua, sơ kết thi đua) và tỉnh Thừa Thiên Huế và Trí thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đặng Tuấn L tiếp khách tại Lý Sơn, Huế nhưng quên không lấy hóa đơn hoặc vì đợi xuất hóa đơn lâu nên không lấy hóa đơn tại các quán ăn tại Lý Sơn và Huế, sau đó Trí về Quảng Ngãi xin hóa đơn của Quán bê thui VTh và đề xuất ông L duyệt vào hóa đơn tiếp khách để quyết toán số tiền chi tiếp khách tại Lý Sơn và Huế. 01 chứng từ chi tiếp khách 2.200.000 đồng thực tế ông được lãnh đạo phân công tiếp đoàn Sở y tế tại quán Dê Hoàng Phố nhưng trong quá trình làm thủ tục thanh toán, kế toán kẹp chứng từ tên đoàn khách là thẩm định bảo hiểm y tế nên trước đây xác định là chứng từ khống. Quá trình điều tra bổ sung, làm việc với Đặng Tuấn L, Đỗ Thị Minh T, Võ Đức Tr2 xác định 04 lần tiếp khách nói trên là có thật, số tiền chi tiếp khách là đúng thực tế chứ không phải lập khống chứng từ để quyết toán cho các khoản chi đề ngoài sổ sách kế toán. Vì vậy không có căn cứ xác định Võ Đức Tr2 có hành vi “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[10] Đối với Nguyễn Thị Hường: trong giai đoạn từ năm 2008 đến tháng 02/2011, Nguyễn Thị Hường (hiện nay đã nghỉ hưu) là Kế toán trưởng của Bệnh viện Đa khoa Sơn Tịnh. Nguyễn Thị Hường đã thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Đặng Tuấn L đề ngoài sổ sách kế toán các khoản chi bồi dưỡng cho cán bộ khoa bạc, Sở Y tế, đoàn kiểm toán, v.v.. với số tiền 130.458.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị Hường có dấu hiệu của tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu

quả nghiêm trọng” quy định tại khoản 1 Điều 221 BLHS năm 2015, tuy nhiên tính đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị Hương

[11] Đối với Phạm Thị Thu Tr3: giai đoạn Đỗ Thị Minh T nghỉ sinh (từ ngày 04/02/2012 đến ngày 28/6/2012 và từ ngày 12/12/2016 đến ngày 31/5/2017) Phạm Thị Thu Tr3 – Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính được giao nhiệm vụ Kế toán trưởng, phụ trách công tác kế toán thay cho T. Vì làm việc trong thời gian ngắn, tạm thời nên khi Phạm Thị H thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đặng Tuấn L chi các khoản chi để ngoài sổ kế toán với số tiền là 10.600.000 đồng (giai đoạn 1)+ 70.200.000 đồng (giai đoạn 2) = 80.800.000 đồng thì H không báo cáo với Trà nên Trà cũng không theo dõi được việc chi tiền nói trên. Phạm Thị Thu Tr3 được giao nhiệm vụ làm kế toán trưởng dù thời gian ngắn nhưng không kiểm tra việc thu, chi của thủ quỹ Phạm Thị H là thiếu trách nhiệm, tuy nhiên hậu quả chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[12] Đối với Lưu Quỳnh Như: là nhân viên kế toán của Bệnh viện đa khoa huyện S. Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Đỗ Thị Minh T, Như đã mua 02 hóa đơn khống (số tiền trên hóa đơn khống là 13.370.000 đồng) và ký vào mục người nhận tiền ở 04 phiếu chi với số tiền 22.040.000 đồng mặc dù thực tế không nhận tiền để quyết toán khống các khoản chi để ngoài sổ sách. Hành vi của Lưu Quỳnh Như có dấu hiệu của tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” tuy nhiên hậu quả xảy ra chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[13] Đối với sai phạm trong việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà Trương Thị Mỹ D2:

Bị cáo Đặng Tuấn L lợi dụng chức vụ, quyền hạn chỉ đạo Nguyễn Văn C, Đỗ Thị Minh T, Võ Đức Tr2 không làm thủ tục báo giảm bảo hiểm xã hội đối với Trương Thị Mỹ D2 đã làm Bệnh viện bị thiệt hại số tiền 41.919.540 đồng. Nhưng Đặng Tuấn L đã chủ động nộp khắc phục số tiền 41.919.540 đồng trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, Đặng Tuấn L và Đỗ Thị Minh T cũng đã bị xử lý về hành vi vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng. Cơ quan điều tra căn cứ khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 không xử lý đối với Đặng Tuấn L, Đỗ Thị Minh T, Nguyễn Văn C, Võ Đức Tr2 về hành vi sai phạm này là có cơ sở.

[14] Đối với Lê Công H: Lê Công H xuất 18 hóa đơn khống cho Bệnh viện đa khoa huyện S thu tiền thuế 4,5% trên giá trị hóa đơn và đã nộp đủ số tiền thuế 4,5% trên giá trị hóa đơn vào ngân sách nhà nước với số tiền: 4.343.400 đồng, Hùng không hưởng lợi gì từ việc xuất hóa đơn khống. Hùng không xác định được

lúc xuất hóa đơn không là không hoàn toàn hay trước đó nhân viên Bệnh viện đã tiếp khách chưa lấy hóa đơn, sau mới yêu cầu xuất hóa đơn. Hiện nay cũng không xác định được nhân viên nào đã mua hóa đơn không tại quán ăn CT do Lê Công H làm chủ nên không đủ cơ sở để xác định Hùng có hưởng lợi từ việc xuất hóa đơn không nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hành vi của Lê Công H.

[15] Đối với các ông bà: Bùi Thị Mai Th, Phạm Văn L2, Nguyễn Thị Nguyệt Tr, Nguyễn Thị L, Trương Tấn D2, Roãn Văn H2, Dương Thị Diên, Nguyễn Phi H3 đã xuất hóa đơn không cho Bệnh viện đa khoa huyện S nhưng không hưởng lợi từ việc xuất hóa đơn không nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hành vi in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước.

[16] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với thiệt hại của Trung tâm Y tế huyện S số tiền: 1.175.988.700 đồng.

Trong đó, số tiền thiệt hại là: 964.730.700 đồng thì các bị cáo: Đặng Tuấn L, Phạm Thị H, Đỗ Thị Minh T phải chịu trách nhiệm chung về số tiền này, tuy nhiên bị cáo Đặng Tuấn L là Giám đốc nên bị cáo phải chịu bồi thường cao hơn các bị cáo H, T. Cụ thể: bị cáo L phải bồi thường số tiền: 400.000.000 đồng; bị cáo H và bị cáo T mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 282.365.350 đồng.

Còn lại số tiền thiệt hại là: 211.258.000 đồng (1.175.988.700 - 964.730.700) thì bị cáo L và bị cáo H phải chịu trách nhiệm chung. Nhưng vì bị cáo L là người chỉ đạo nên chịu bồi thường cao hơn bị cáo H. Cụ thể: bị cáo L phải bồi thường số tiền: 150.000.000 đồng; bị cáo H phải bồi thường số tiền: 61.258.000 đồng.

Tổng cộng: Bị cáo Đặng Tuấn L phải có trách nhiệm bồi thường số tiền: 550.000.000 đồng; bị cáo Phạm Thị H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền: 343.623.350 đồng; bị cáo Đỗ Thị Minh T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền: 282.365.350 đồng cho Trung tâm Y tế huyện S.

Bị cáo Đặng Tuấn L đã tự nguyện bồi thường số tiền: 570.000.000 đồng nên hoàn trả lại cho bị cáo Đặng Tuấn L số tiền: 20.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thị H đã tự nguyện bồi thường số tiền: 12.000.000 đồng, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền: 331.623.350 đồng cho Trung tâm Y tế huyện S.

Bị cáo Đỗ Thị Minh T đã tự nguyện bồi thường số tiền: 51.500.000 đồng; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền: 230.865.350 đồng cho Trung tâm Y tế huyện S.

Bị cáo Lê Bá N đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt 32.670.000 đồng của Trung tâm Y tế huyện S.

Tiếp tục tạm giữ số tiền: 536.170.000 đồng mà các bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chỉ lập ngày 27/5/2022 của Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu – Công an tỉnh Quảng Ngãi)

Tiếp tục tạm giữ số tiền: 100.000.000 đồng mà bị cáo Đặng Tuấn L đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2010/08559 ngày 20/5/2021 và số tiền: 30.000.000 đồng mà bị cáo Đỗ Thị Minh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2010/08561 ngày 28/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án.

[17] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ 01 (một) CPU máy vi tính để bàn, màu đỏ đen, mặt trước của CPU có dòng chữ “JETEX COMPUTER CASE NIGHT QUALITY”, (không kiểm tra chất lượng bên trong) là tài sản của Trung tâm Y tế huyện S. Tuyên trả lại cho Trung tâm Y tế huyện S.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/5/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi)

[18] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[19] Đề nghị của Luật sư bào chữa cho các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[20] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Đặng Tuấn L, Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H, Lê Bá N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đỗ Thị Minh T phải chịu 11.543.200 đồng (230.865.350 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Thị H phải chịu 16.581.100 đồng (331.623.350 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Đặng Tuấn L, Phạm Thị H, Đỗ Thị Minh T phạm tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng”.

1.1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 221; điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Tuấn L: 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/5/2022)

1.2. Áp dụng: khoản 3 Điều 221; điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H: 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/5/2022)

1.3. Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 221; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Minh T: 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/5/2022)

2. Tuyên bố bị cáo Lê Bá N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Bá N: 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/5/2022).

Giao bị cáo Đặng Tuấn L cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; giao bị cáo Phạm Thị H cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; giao bị cáo Đỗ Thị Minh T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi; giao bị cáo Lê Bá N cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án;

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản

án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Đặng Tuấn L phải có trách nhiệm bồi thường cho Trung tâm Y tế huyện S số tiền: 550.000.000 đồng; Bị cáo Đặng Tuấn L đã bồi thường số tiền: 570.000.000 đồng. Hoàn trả lại cho bị cáo Đặng Tuấn L số tiền: 20.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Phạm Thị H phải có trách nhiệm bồi thường cho Trung tâm Y tế huyện S số tiền: 343.623.350 đồng. Bị cáo Phạm Thị H đã tự nguyện bồi thường số tiền: 12.000.000 đồng. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền: 331.623.350 đồng.

Buộc bị cáo Đỗ Thị Minh T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền: 282.365.350 đồng cho Trung tâm Y tế huyện S. Bị cáo Đỗ Thị Minh T đã tự nguyện bồi thường số tiền: 51.500.000 đồng. Bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền: 230.865.350 đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền: 536.170.000 đồng mà các bị cáo đã nộp để bồi thường khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chỉ lập ngày 27/5/2022 của Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu – Công an tỉnh Quảng Ngãi)

Tiếp tục tạm giữ số tiền: 100.000.000 đồng mà bị cáo Đặng Tuấn L đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2010/08559 ngày 20/5/2021 và số tiền: 30.000.000 đồng mà bị cáo Đỗ Thị Minh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2010/08561 ngày 28/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên trả lại cho Trung tâm Y tế huyện S: 01 (một) CPU máy vi tính để bàn, màu đỏ đen, mặt trước của CPU có dòng chữ “JETEX COMPUTER CASE NIGHT QUALITY”, (không kiểm tra chất lượng bên trong)

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/5/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi)

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Đặng Tuấn L, Đỗ Thị Minh T, Phạm Thị H, Lê Bá N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo Đỗ Thị Minh T phải chịu 11.543.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo Phạm Thị H phải chịu 16.581.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

7. Kháng cáo: Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã T
- UBND xã T;
- UBND xã B;
- UBND xã N;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé

